

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2021

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh;

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1985.

ĐKKHKT: KDC ChX, phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 51 TS, phường YT, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Th1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC ChX, phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: NB.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Thêu: Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khu dân cư ChX, phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Phạm Văn Th1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện KM (nay là phường DT, thị xã KM), tỉnh Hải Dương vào ngày 30/12/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th1 chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Th1 không thay đổi, chị vì các con nên gắng gượng chịu đựng và cho anh cơ hội sửa chữa. Năm 2019, anh Th1 đi xuất khẩu lao động tại NB, giữa chị và anh luôn nghi ngờ lòng chung thủy của nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát, xích mích, từ đó anh Th1 rất ít liên lạc về nhà, vợ chồng không có sự chia sẻ, tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

Về con chung: Chị và anh Th1 có ba con chung là Phạm Thu Tr, sinh ngày 03/12/2004; Phạm Ánh Ng, sinh ngày 22/8/2012 và Phạm Trung K, sinh ngày 23/6/2015, hiện tại con Thu Tr và con Ánh Ng đang ở với bà nội còn con Trung K đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi các con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, anh Th1 cũng có nguyện vọng được nuôi cả ba con nên chị nhất trí để anh Th1 được trực tiếp nuôi dưỡng con Thu Tr và con Trung K, còn con Ánh Ng có nguyện vọng ở với chị nên chị đề nghị được nuôi con Ánh Ng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Th1 không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con Thu Tr và Trung K cho bà Phạm Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Phạm Thị D (mẹ đẻ anh Th1) xác định, bà đã thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Th1 biết. Anh Th1 xác định quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, chị Th không chung thủy với anh, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung là Phạm Thu Tr, Phạm Ánh Ng và Phạm Trung K cho đến khi các con thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng các con, về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D nhất trí nhận sự ủy quyền của anh Th1 về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho anh Th1 trong thời gian anh Th1 không có mặt tại Việt Nam, bà không yêu cầu chị Th, anh Th1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng.

Con chung của chị Th, anh Th1 là cháu Phạm Thu Tr có nguyện vọng được ở với anh Th1; cháu Phạm Ánh Ng có nguyện vọng được ở với chị Th.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Th, anh Th1 đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị Th và anh Th1 đều có thời gian đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Sau khi đi nước ngoài về, chị Th không về nhà chồng mà về thẳng nhà đẻ ở, vợ chồng chủ yếu sống xa nhau. Nay, chị Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn Th1. Về con chung: Giao con chung Phạm Thu Tr và Phạm Trung K cho anh Thêu; giao con chung Phạm Ánh Ng cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị Th, anh Th1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Phạm Thu Tr và Phạm Trung K cho bà Phạm Thị D nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh Th1 ở nước ngoài. Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Văn Th1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Khu dân cư ChX, phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại NB, do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Th1 ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Th1 cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Th1 biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, mặt khác bà D vẫn thường xuyên liên lạc với anh Th1 và đã thông báo cho anh Th1 biết việc chị Th làm đơn xin ly hôn. Anh Th1 có quan điểm nhất trí ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ủy quyền cho bà D thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng các con trong thời gian anh ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án bổ sung bà Phạm Thị D tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, anh Thêu, bà D vắng mặt lần thứ hai và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Văn Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện KM (nay là phường DT, thị xã KM), tỉnh Hải Dương vào ngày 30/12/2004, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Th1 không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng luôn nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân đã lâu. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1. Anh Th1 ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nên có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Th được ly hôn anh Th1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Văn Th1 có ba con chung là Phạm Thu Tr , sinh ngày 03/12/2004; Phạm Ánh Ng , sinh ngày 22/8/2012 và Phạm Trung K , sinh ngày 23/6/2015. Thông qua gia đình anh Th1 có quan điểm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi các con thành niên, chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Ánh Ng . Xét thấy, cả chị Th và anh Th1 đều có thu nhập và có chỗ ở ổn định, nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, con chung Phạm Ánh Ng là con gái, tuổi còn nhỏ cần có sự chăm sóc từ người mẹ, hơn nữa cháu có nguyện vọng được ở với chị Thúy. Anh Th1 mặc dù đang lao động tại Đài Loan nhưng chị Th tự nguyện nhất trí để anh được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thu Tr và con Phạm Trung K vì cháu Phạm Thu Tr đã lớn có thể tự chăm sóc được bản thân và cháu có nguyện vọng được ở với bố, cháu Phạm Trung K là con trai cần có sự giáo dục của bố. Chị Th và anh Th1 đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung và nhất trí, tự nguyện giao con cho bà D nuôi dưỡng trong thời gian anh Th1 không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Thu Tr và Phạm Trung K cho anh Th1, giao con chung Phạm Ánh Ng cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th, anh Th1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Th1 không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Phạm Thu Tr và Phạm Trung K cho bà D chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Phạm Văn Th1 .

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Phạm Thu Tr , sinh ngày 03/12/2004 và Phạm Trung K , sinh ngày 23/6/2015 cho anh Phạm Văn Th1 ; giao con chung Phạm Ánh Ng , sinh ngày 22/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị Th và anh Th1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Phạm Thu Tr và Phạm Trung K cho bà Phạm Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Th1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005834 ngày 08/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th và bà Phạm Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn Th1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường DT , thị xã KM , tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường